TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QG VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

Số: 1148/PBHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(6 tháng đầu năm 2022)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM

- Tên công ty niêm yết: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Mạc Đĩnh Chi, P Đa Kao, Q. 1 , TP HCM
- Điện thoại: 3825 6258 Fax: 3825 6269 Email: dpm@pvfcco.com.vn
- Vốn điều lệ: 3.914.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: DPM
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	50/NQ-ĐHĐCĐ	23/06/2022	Nghị quyết phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
2.	51/NQ-ĐHĐCĐ	23/06/2022	Nghị quyết ban hành lại Điều lệ Tổng công ty
3.	52/NQ-ĐHĐCĐ	23/06/2022	Nghị quyết thông qua định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2022):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ ngày không còn là thành viên HĐQT/thành viên HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1.	Ông Hoàng Trọng Dũng	CTHĐQT, không điều hành	27/4/2021	
2.	Ông Lê Cự Tân	TVHĐQT điều hành	26/4/2018	
3.	Ông Dương Trí Hội	TVHĐQT không điều hành	17/4/2019	
4.	Ông Louis T Nguyen	TVHĐQT độc lập	27/4/2021	
5.	Ông Trịnh Văn Khiêm	TVHĐQT không điều hành	16/6/2020	

2. Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự đủ các cuộc họp
1.	Ông Hoàng Trọng Dũng	2/2	100%	
2.	Ông Lê Cự Tân	2/2	100%	
3.	Ông Dương Trí Hội	2/2	100%	
4.	Ông Louis T Nguyen	2/2	100%	
5.	Ông Trịnh Văn Khiêm	2/2	100%	

HĐQT thông qua lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết và các nội dung giám sát, chỉ đạo khác trong năm về hoạt động SXKD: **40** lần.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

+ HĐQT xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động SX-KD, báo cáo tài chính năm 2021, các báo cáo trong quý 1, quý 2 năm 2022 của Ban Tổng giám đốc.

+ HĐQT dự các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc về hoạt động SXKD và giao ban công việc hàng quý/tháng.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

+ Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc TCT triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2022):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	16/NQ-PBHC	1/12/2022	NQ chấp thuận chủ trương và mức trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP năm 2021
2	25/NQ-PBHC	17/01/2022	NQ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021
3	27/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
4	28/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
5	29/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
6	30/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
7	35/NQ-PBHC	21/01/2022	NQ thông qua Chương trình hành động Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025 của PVFCCo
8	44/QD-PBHC	28/01/2022	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của PVFCCo
9	59/NQ-PBHC	28/02/2022	NQ thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm toán nội bộ PVFCCo

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
10	60/NQ-PBHC	28/02/2022	NQ thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung số 02 - Hợp đồng mua bán khí với PV Gas năm 2020
11	61/NQ-PBHC	28/02/2022	Thông qua chương trình công tác giám sát năm 2022 của HĐQT đối với các công ty con thuộc Tổng công ty
12	69/NQ-PBHC	9/3/2022	NQ phê duyệt KH Khoa học và Công nghệ năm 2022 của PVFCCo
13	83/NQ-PBHC	21/03/2022	NQ thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại PVFCCo
14	89/NQ-PBHC	29/03/2022	NQ phê duyệt quyết toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2021
15	96/NQ-PBHC	5/4/2022	Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2021 của PVFCCO
16	112/QĐ-PBHC	18/04/2022	QĐ thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số tại PVFCCo
17	113/QĐ-PBHC	18/04/2022	QĐ ban hành Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến cổ đông theo hình thức trực tuyến của PVFCCo
18	121/NQ-PBHC	27/04/2022	NQ vv thông qua Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãnh phí năm 2022
19	126/NQ-PBHC	5/5/2022	NQ V/v phê duyệt kế hoạch vốn lưu động công ty mẹ đối với các mặt hàng phân bón Phú Mỹ năm 2022
20	130/NQ-PBHC	9/5/2022	NQ V/v phân cấp quyết định đối với bộ định mức số 2, bộ định mức số 6 và việc điều chỉnh bộ định mức số 1, định mức 7,6
21	162/QĐ-PBHC	27/05/2022	QĐ phê duyệt danh sách Quy hoạch đối với các chức danh cán bộ diện Tổng công ty quản lý giai đoạn 2022-2025
22	190/NQ-PBHC	21/06/2022	NQ vv thông qua chủ trương bố trí cán bộ chuyên trách giữ chức danh Chủ tịch HĐQT tại các công ty con thuộc Tổng công ty
23	191/NQ-PBHC	22/06/2022	NQ thông qua chương trình, tài liệu phiên họp thường niên năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo
24	197/NQ-PBHC	25/06/2022	NQ V/v thông qua phương án nhân sự tại các công ty con thuộc Tổng công ty

II. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2022):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là KSV	Trình độ chuyên môn
1	Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban KS	27/4/2021	Cử nhân Tài chính kế toán
2	Ông Lê Vinh Văn	TV BKS	26/4/2018	Cử nhân Tài chính kế toán
3	Ông Lương Phương	TV BKS	26/4/2018	Cử nhân Tài chính tín dụng

2. Thông tin về các cuộc họp Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Số buổi tham dự họp BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Kim Nhân	2/2	100%	100%	
2	Ông Lê Vinh Văn	2/2	100%	100%	
3	Ông Lương Phương	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát tổ chức họp định kỳ hàng quý với sự tham gia đầy đủ 100% các thành viên; Tham dự các cuộc họp do HĐQT, Ban điều hành tổ chức. Thẩm định Báo cáo tài chính công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty năm 2021 và Quý I năm 2022.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Tổng Công ty thực hiện các chỉ tiêu SXKD 6 tháng đầu năm 2022 mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt.

5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

Phối hợp cùng HĐQT, lập kế hoạch, phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị soát xét, kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng và cả niên độ 2022 của Tổng Công ty;

Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; Lập báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 trình ĐHĐCĐ; Thẩm định Quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 tại Tổng công ty PVFCCo- Công ty mẹ; Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát; Kiểm tra kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tại các đơn vị thuộc PVFCCo.

IV. Ban điều hành:

Stt	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lê Cự Tân	18/04/1967	Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị dn, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa	10/01/2019
2	Ông Lê Văn Quốc Việt	03/08/1962	Cử nhân Kinh tế Kế hoạch	9/2/2009
3	Bà Lê Thị Thu Hương	9/10/1975	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	1/3/2012
4	Bà Trần Thị Phương Thảo	29/10/1970	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương	29/4/2016
5	Ông Cao Trung Kiên	12/03/1976	Cử nhân Kinh tế	19/09/2019
6	Ông Đào Văn Ngọc	20/03/1977	Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư lọc hóa dầu	21/4/2020
7	Ông Tạ Quang Huy	9/12/1978	Kỹ sư công nghệ hóa	27/04/2021

V. Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
	Ông Võ Ngọc Phương	11/10/1978	Cử nhân tài chính tín dụng	29/04/2016

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Tổng công ty đã tổ chức cho các cán bộ trên tham dự và hoàn thành khóa đào tạo tại Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

Theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

- Hợp đồng mua bán khí, phụ lục gia hạn cho năm 2022 với Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (người có liên quan của cổ đông lớn của TCT), Hội đồng quản trị thông qua ngày 28/02/2022.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu PETROVIETNAM với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Hội đồng quản trị thông qua ngày 30/12/2020, thực hiện hàng năm.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:

Theo Phụ lục 2 đính kèm.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng năm 2022)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

Theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết.

Theo báo cáo của các cổ đông nội bộ và người có liên quan mà TCT nhận được:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2022)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (30/06/2022)		Lý do tăng, giảm *(mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)*
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nhóm nhà đầu tư có liên quan Dragon Capital	Nhóm cổ đông sở hữu trên 5%	18.500.000	4,7274 %	24.108.000	6,160 4%	Mua
2	Võ Ngọc Phương	Người nội bộ	24.700	0,0006 3%	0	0	Bán
3	Trần Thị Phương Thảo	Người nội bộ	65.700	0,0017 %	0	0	Bán
4	Tổng công ty CP VTNN Nghệ An	Nhóm cổ đông sở hữu trên 5%	23.772.320	6,073%	23.472.320	5,998 %	Bán

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:
-Như trên;
-HĐQT, TGĐ,BKS;
-Ban NCPT&TT, TCKT;
-Lưu VT, VP HĐQT(TTV).

T/L CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0303165460 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trương Thế Vinh

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN
DN: cn=TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN, c=VN, l=Quận 1, st=HỒ CHÍ MINH
Date: 2022.07.26 16:11:51 +07'00'

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ CÔNG TY CỔ PHẦN
M.S.D.N: 0303165480 - C.T.C - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DPM

Stt *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) *Reasons*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác. *Note (**)*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	**Hoàng Trọng Dũng**		**Chủ tịch HĐQT**		CCCD							27/04/2021			
1.1	Hoàng Kim Quyết			Bố								27/04/2021			
1.2	Đặng Thị Hà			Mẹ								27/04/2021			
1.3	Lê Thị Thúy Trang			Vợ								27/04/2021			
1.4	Hoàng Trường An			Con								27/04/2021			
1.5	Hoàng Lê Thảo Linh			Con								27/04/2021			
1.6	Hoàng Việt Hùng			Con								27/04/2021			
1.7	Hoàng Minh Quyền			Em								27/04/2021			
1.8	Hoàng Thị Anh			Em								27/04/2021			
1.9	Hoàng Trung Tài			Em								27/04/2021			
2	**Lê Cự Tân**	006C025236	**Thành viên HĐQT**		CMND					170,500	0.043%	13/12/2013			
2.1	Tăng Thị Mai			Mẹ	CMND					0	0	13/12/2013			
2.2	Phan Thị Hạnh			Vợ	CMND					0	0	13/12/2013			
2.3	Lê Cự Tùng Lâm			Con	CMND					0	0	13/12/2013			
2.4	Lê Tùng Dương			Con	CMND					0	0	13/12/2013			
2.5	Lê Thị Thu Trang			Em	CMND					0	0	13/12/2013			
2.6	Nguyễn Văn Dương			Em rể	CCCD					0	0	1/1/2021			
3	**Dương Trí Hội**	045C100399	**Thành viên HĐQT**		CCCD					-	0.000%	17/4/2019			
3.1	Trần Thị Tô			Mẹ	CMND					0	0	17/4/2019			
3.2	Dương Thị Hà			Chị	CMND					0	0	17/4/2019			
3.3	Dương Chí Hải			Anh	CMND					0	0	17/4/2019			
3.4	Dương Thị Tam			Chị	CMND					0	0	17/4/2019			
3.5	Dương Thị Hoa			Chị	CMND					0	0	17/4/2019			
3.6	Hoàng Tuyết Mai			Vợ	CMND					0	0	17/4/2019			
3.7	Vũ Thị Huyền			Chị dâu	CCCD					0	0	1/1/2021			
3.8	Đặng Thế Lý			Anh rể	CMND					0	0	1/1/2021			
3.9	Nguyễn Đình Thu			Anh rể						0	0	1/1/2021			
3.10	Bùi Văn Mẫu			Anh rể						0	0	1/1/2021			
3.11	Hoàng Đình Thi			Bố vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
3.12	Đỗ Thị Hòa			Mẹ vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
4	**Louis T Nguyen**		**TVHĐQT**		HC					0	0	28/04/2016			
5	**Trịnh Văn Khiêm**		**TVHĐQT**		CMND					0	0	16/06/2020			
5.1	Nguyễn Thị An			Mẹ ruột						0	0	16/06/2020			
5.2	Nguyễn Trung Tú			Bố vợ						0	0	16/06/2020			
5.3	Nguyễn Thị Phi			Mẹ vợ						0	0	16/06/2020			
5.4	Nguyễn Thị Bích Nhung			Vợ						0	0	16/06/2020			
5.5	Trịnh Nguyễn Thái Minh			Con						0	0	16/06/2020			

Stt *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) *Reasons*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác. *Note (**)*
5.6	Trịnh Nguyễn Nhật Minh			Con						0	0	16/06/2020			
5.7	Trịnh Thị Nhân			Chị						0	0	16/06/2020			
5.8	Hà Minh Chấn			Anh rể						0	0	16/06/2020			
5.9	Trịnh Văn Lân			Anh						0	0	16/06/2020			
5.10	Trần Thị Liên			Chị dâu						0	0	1/1/2021			
5.11	Trịnh Văn Bộ			Anh						0	0	16/06/2020			
5.12	Nguyễn Thị Biên			Chị dâu						0	0	1/1/2021			
5.13	Trịnh Văn Bang			Anh						0	0	16/06/2020			
5.14	Nguyễn Thị Tâm			Chị dâu						0	0	1/1/2021			
5.15	Trịnh Văn Phước			Anh						0	0	16/06/2020			
5.16	Lê Thị Vinh			Chị dâu						0	0	1/1/2021			
5.17	Trịnh Văn Phiên			Anh						0	0	16/06/2020			
5.18	Trần Thị Năm			Chị dâu						0	0	1/1/2021			
5.19	Trịnh Văn Phức			Anh						0	0	16/06/2020			
5.20	Dương Thị Phương Tình			Chị dâu						0	0	1/1/2021			
5.21	Trịnh Thị Thư			Chị						0	0	16/06/2020			
5.22	Nguyễn Văn Hải			Anh rể						0	0	1/1/2021			
6.	**Tạ Quang Huy**		**Phó Tổng giám đốc**							0	0	30/9/2020			
6.1	Đỗ Thị Bảy			Mẹ						0	0	30/9/2020			
6.2	Tạ Khánh An			Con						0	0	30/9/2020			còn nhỏ
6.3	Tạ Minh Châu			Con						0	0	30/9/2020			còn nhỏ
6.4	Tạ Tuệ Lâm			Con						0	0	30/9/2020			còn nhỏ
6.5	Nguyễn Thị Thu Quyên			Vợ						0	0	30/9/2020			
6.6	Tạ Thái Hà			Chị						0	0	30/9/2020			
6.7	Tạ Mỹ Hằng			Chị						0	0	30/9/2020			
6.8	Nguyễn Văn Soạn			Bố vợ						0	0	1/1/2021			
6.9	Nguyễn Thị Thúy Nga			Mẹ vợ						0	0	1/1/2021			
6.10	Nguyễn Ngọc Phú			Anh vợ						0	0	1/1/2021			
6.11	Lê Văn Huân			Anh rể						0	0	1/1/2021			
6.12	Trần Văn Chuyên			Anh rể						0	0	1/1/2021			
7	**Huỳnh Kim Nhân**	045C105 079	**Trưởng Ban KS**		CMND					0	0	5/11/2007			
7.1	Hồ Thị Phương			Mẹ ruột	CMND					0	0	5/11/2007			
7.2	Huỳnh Kim Quy			Anh ruột	CMND					0	0	5/11/2007			
7.3	Nguyễn Thị Thu Sương			Chị dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
7.4	Huỳnh Kim Quyện			Anh ruột	CMND					0	0	5/11/2007			
7.5	Đoàn Thị Kim			Chị dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
7.6	Huỳnh Kim Trầm			Anh ruột	CMND					0	0	5/11/2007			
7.7	Trương Thị Ánh Quyên			Chị dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
7.8	Huỳnh Thị Kim Phu			Chị ruột	CMND					0	0	5/11/2007			
7.9	Trần Tấn Phúc			Anh rể	CMND					0	0	1/1/2021			
7.10	Huỳnh Kim Đạo			Em	CCCD					0	0	5/11/2007			
7.11	Lê Trần Bảo Nhân			Em dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
7.12	Huỳnh Thị Kim Vy			Em	CCCD					0	0	5/11/2007			
7.13	Nguyễn Ngọc Cứ			Em rể	CCCD					0	0	1/1/2021			
7.14	Võ Thị Bích Khuê			Vợ	CMND					0	0	5/11/2007			

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) Reasons	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác. Note (**)
7.15	Huỳnh Minh Nghĩa			Con						0	0	5/11/2007			Còn nhỏ
7.16	Nguyễn Thị Phương			Mẹ vợ	CMND					0	0	5/11/2007			
7.17	Võ Minh Quân			Em vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
7.18	Nguyễn Thanh Tuyền			Em dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
8	**Lê Vinh Văn**		**TVBKS**		CMND					34,000	0.0086%	5/11/2007			
8.1	Lê Phát			Cha	CMND					0	0	5/11/2007			
8.2	Bùi Thị Thường			Mẹ	CMND					0	0	5/11/2007			
8.3	Đào Thị Lan Anh			Vợ	CMND					700	0.0001%	5/11/2007			
8.4	Lê Vinh Quang			Anh	CMND					0	0	5/11/2007			
8.5	Lê Vinh Vinh			Em	CMND					0	0	5/11/2007			
8.6	Lê Thị Kim Tuyến	006C085 287		Em	CMND					5400	5400	5/11/2007			
8.7	Đào Xuân Thống			Cha Vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
8.8	Nguyễn Thị Sáu			Mẹ Vợ	CCCD					0	0	1/1/2021			
8.7	Trần Quang Hội			Em rể	CCCD					0	0	1/1/2021			
8.8	Võ Thị Châu Hà			Em dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
8.9	Đào Xuân Thống			Cha Vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
8.10	Nguyễn Thị Sáu			Mẹ Vợ	CCCD					0	0	1/1/2021			
9	**Lương Phương**		TVBKS		CMND					0	0	26/04/2018			
9.1	Lương Hữu Ngạch			Cha	CMND					0	0	26/04/2018			
9.2	Trương Thị Ghi			Mẹ	CMND					0	0	26/04/2018			
9.3	Lương Quang Linh			Anh	CMND					0	0	26/04/2018			
9.4	Lương Thị Thanh			Chị	CMND					0	0	26/04/2018			
9.5	Lương Hải Bình			Anh	CCCD					0	0	26/04/2018			
9.6	Trần Thị Én	057c0081 06		Vợ	CMND					0	0	26/04/2018			
9.7	Lương Thùy Anh			Con						0	0	26/04/2018			còn nhỏ
9.8	Lương Thùy An			Con						0	0	26/04/2018			còn nhỏ
9.9	Lương Gia Hân			Con						0	0	30/5/2018			còn nhỏ
9.10	Trần Quốc Thống			Bố vợ	CCCD					0	0	1/1/2021			
9.11	Hoàng Đình Vinh			Anh rể	CCCD							1/1/2021			
9.12	Lê Thị Phượng			Chị dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
9.13	Nguyễn Thị Lan Hương			Chị dâu	CCCD					0	0	1/1/2021			
10	**Lê Văn Quốc Việt**	045C103 868	Phó TGĐ		CCCD					0	0	1/2/2009			
10.1	Trần Thị Âu	045C104 428		Vợ	CMND					0	0	1/2/2009			
10.2	Lê Quốc Việt Huy			Con	CMND					0	0	1/2/2009			
10.3	Lê Quốc Việt Hoàng			Con	CMND					0	0	1/2/2009			
10.4	Trần Thị Ngọc Hương			Mẹ ruột	CMND					0	0	1/2/2009			
10.5	Lê Văn Quốc Bửu			Em ruột	CMND0					0	0	1/2/2009			
10.6	Lê Văn Quốc An			Em ruột	CMND					0	0	1/2/2009			
10.7	Thái Kim Hùi			Em dâu	CMND					0	0	1/1/2021			

Stt *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) *Reasons*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác. *Note (**)*
10.8	Lê Thị Hạnh Thúy	045C100166		Em ruột	CMND					0	0	1/2/2009			
10.9	Quảng Thịnh			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
10.10	Lê Thị Mỹ Dung	001C525307		Em ruột	CMND					0	0	1/2/2009			
10.11	Nguyễn Mạnh Tình			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
10.12	Lê Văn Quốc Duy			Em ruột	CMND					0	0	1/2/2009			
10.13	Trần Khắc Bảo Trân			Em dâu	CMND					0	0	1/1/2021			
11	**Lê Thị Thu Hương**		**Phó TGĐ**		CMND					-	0.000%	1/2/2012			
11.1	Lê Xuân Tùng			Bố	CMND					0	0	1/2/2012			
11.2	Đỗ Thị Huê			Mẹ	CMND					0	0	1/2/2012			
11.3	Lê Xuân Thi			Anh	CMND					0	0	1/2/2012			
11.4	Lê Nghi Khanh			Chồng	CMND							1/2/2012			
11.4	Mạc Lê Bảo Ngân			Con						0	0	1/2/2012			còn nhỏ
11.5	Lê Bảo Ngọc			Con						0	0	1/2/2012			còn nhỏ
11.6	Nguyễn Thị Sửu			Mẹ chồng	CMND							1/1/2021			
12	**Trần Thị Phương Thảo**	**020C114850-VISE**	**Phó TGĐ**		CCCD					-	0.000%	29/4/2016			
12.1	Trần Đức Lương			Bố	CMND					0	0	29/4/2016			
12.2	Nguyễn Thị Vĩnh			Mẹ	CMND					0	0	29/4/2016			
12.3	Trần Thị Minh Anh			Chị	CMND					0	0	29/4/2016			
12.4	Trần Tuấn Anh			Anh	CCCD					0	0	29/4/2016			
12.5	Phạm Trần Đức			Con	CMND					0	0	29/4/2016			
12.6	Phạm Linh Trang			Con	CCCD					0	0	29/4/2016			
12.7	Nguyễn Quý Hùng			Anh rể	CMND					0	0	1/1/2021			
12.8	Trần Thúy Hương			Chị dâu	CCCD					0	0	1/1/2021			
13.	**Cao Trung Kiên**		Phó TGĐ		CMND					0	0%	19/09/2019			
13.1	Cao Văn Cường			Bố đẻ	CCCD					0	0%	19/09/2019			
13.2	Bùi Thị Yên			Mẹ đẻ	CCCD					0	0%	19/09/2019			
13.3	Trần Thu Phương			Vợ	CCCD					0	0%	19/09/2019			
13.4	Trần Phúc Huy			Con trai	CCCD					0	0%	19/09/2019			
13.5	Cao Quang Nam			Con trai						0	0%	19/09/2019			còn nhỏ
13.6	Cao Phương Linh			Con gái						0	0%	19/09/2019			còn nhỏ
13.7	Cao Thùy Trang			Em gái	CCCD					0	0%	19/09/2019			
13.8	Trần Đồng			Bố vợ	CMND					0	0%	19/09/2019			
13.9	Nguyễn Thị Bích			Mẹ vợ	CMND					0	0%	19/09/2019			
13.10	Nguyễn Kim Sinh			Em rể	CMDN					0	0%	19/09/2019			
14.	**Đào Văn Ngọc**											21/04/2020			
14.1	Đào Xuân Bằng			Bố đẻ						0	0%	21/04/2020			
14.2	Vũ Thị Thoa			Mẹ đẻ						0	0%	21/04/2020			

Stt *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (If any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (If any)*	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) *Reasons*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác. *Note (**)*
14.3	Đào Thị Giang	PHS-TP: 022c015960		Vợ						0	0%	21/04/2020			
14.4	Đào Phương Trang			Con						0	0%	21/04/2020			còn nhỏ
14.5	Đào Trang Anh			Con						0	0%	21/04/2020			còn nhỏ
14.6	Đào Quang Huy			Con						0	0%	2/9/2021			còn nhỏ
14.7	Đào Thanh Tùng			Anh trai						0	0%	21/04/2020			
14.8	Đào Duy Hưng			Em trai						0	0%	21/04/2020			
14.9	Đào Văn Thắng			Bố vợ						0	0%	1/1/2021			
14.10	Nguyễn Văn Thông			Anh rể						0	0%	1/1/2021			
14.11	Nguyễn Thị Minh			Chị dâu						0	0%	1/1/2021			
14.12	Nguyễn Thị Thúy Hằng			Em dâu						0	0%	1/1/2021			
15	**Võ Ngọc Phương**		**Kế toán trưởng**		CMND					-	0.0000%	29/04/2016			
15.1	Nguyễn Thị Tặng			Mẹ	CMND					0	0	29/04/2016			
15.2	Võ Thị Ngọc Dung			Chị ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.3	Võ Thị Ngọc Điệp			Chị ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.4	Võ Thị Nhan			Em ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.5	Võ Thị Phượng			Em ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.6	Võ Thị Ngọc Tuyết			Em ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.7	Võ Thị Ngọc Sương	006C081225		Em ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.8	Võ Thị Ngọc Oanh			Em ruột	CMND					0	0	29/04/2016			
15.9	Trần Ngọc Phương Thanh			Vợ	CMND					0	0	29/04/2016			
15.10	Võ Tường Minh			Con						0	0	29/04/2016			Còn nhỏ
15.11	Võ Minh Đăng			Con						0	0	29/04/2016			Còn nhỏ
15.12	Nguyễn Minh Triều			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
15.13	Thái Giản Luân			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
15.14	Võ Văn Linh			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
15.15	Phan Minh Phú			Anh rể	CMND					0	0	1/1/2021			
15.16	Huỳnh Văn Năm			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
16	**Trương Thế Vinh**	045C105078	**Người được ủy quyền công bố thông tin**		CCCD					0	0	28/05/2018			
16.1	Trương Đình Hợi			Cha	CMND					0	0	28/05/2018			
16.2	Phạm Thị Dung			Mẹ	CMND					0	0	28/05/2018			
16.3	Trương Thu Hằng			Em	CMND					0	0	28/05/2018			
16.4	Trương Thu Hạnh			Em	CMND					0	0	28/05/2018			
16.5	Trương Minh Huệ			Em	CMND					0	0	28/05/2018			
16.6	Nguyễn Thị Hồng Nhung			Vợ	CCCD					0	0	28/05/2018			
16.7	Trương Hoàng			Con						0	0	28/05/2018			Còn nhỏ
16.8	Nguyễn Thế Hinh			Cha vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
16.9	Phạm Thị Cẩm			Mẹ vợ	CMND					0	0	1/1/2021			
16.10	Đỗ Thành Hưng	003C025002		Em rể	CCCD					0	0	1/1/2021			
16.11	Phan Trung Nghĩa			Em rể	CMND					0	0	1/1/2021			
16.12	Bùi Viết Cường			Em rể	CCCD					0	0	1/1/2021			

Stt *No.*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of ending to be affiliated person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) *Reasons*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác. *Note (**)*

PHỤ LỤC 2:

CÁC GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Mối quan hệ đối với công ty	Số Giấy chứng nhận ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số BB, NQ, QĐ của ĐHCĐ/HĐQT	Nội dung/Số lượng/Tổng giá trị giao dịch *(Đơn vị tính: Đồng)*	Ghi chú
1	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty con	0102886450		Sở KHĐT TP Hà Nội	167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	6 tháng đầu năm 2022		Bán hàng: 1.433.785.719.900 Mua hàng: 10.425.536.211 Phải trả người bán: 3.754.348.957 Người mua trả trước: 14.190.241.045	
2	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty con	4100733174		Sở KHĐT tỉnh Bình Định	Lô A2, Cụm CN Nhơn Bình, TP Quy Nhơn, Bình Định	6 tháng đầu năm 2022		Bán hàng: 1.701.001.801.169 Mua hàng: 16.516.256.642 Phải thu KH: 27.674.760.000 Phải trả người bán: 9.204.762.190 Người mua trả trước: 17.572.529.750	
3	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty con	0305918852		Sở KHĐT TPHCM	27 Đinh Bộ Lĩnh, Q. Bình Thạnh, TPHCM	6 tháng đầu năm 2022		Bán hàng: 1.729.032.945.727 Mua hàng: 7.113.651.212 Phải thu KH: 75.436.840.000 Phải trả người bán: 5.168.738.598 Người mua trả trước: 59.699.941.828	

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Mối quan hệ đối với công ty	Số Giấy chứng nhận ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số BB, NQ, QĐ của ĐHCĐ/HĐQT	Nội dung/Số lượng/Tổng giá trị giao dịch *(Đơn vị tính: Đồng)*	Ghi chú
4	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Công ty con	1800722461		Sở KHĐT TP Cần Thơ	151/18 Trần Hoàng Na, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ	6 tháng đầu năm 2022		Bán hàng: 1.360.125.474.850 Mua hàng: 11.294.893.837 Phải thu KH: 11.478.500.000 Phải trả người bán: 6.065.289.306 Người mua trả trước: 15.119.717.500	